

BÁO CÁO KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH
NĂM 2017

TT	Chi tiêu	ĐV tính	Kế hoạch năm	Ghi chú
1	2	3	4	5
I	TỔNG GIÁ TRỊ SẢN XUẤT KINH DOANH	1000 đ	7.290.000	
1	Xây lắp	1000 đ		
2	Ngoài xây lắp	1000 đ	7.290.000	
	- Sản xuất công nghiệp	1000 đ	0	
	- Kinh doanh nhà và hạ tầng	1000 đ	0	
	- Kinh doanh đầu tư tài chính	1000 đ	0	
	- Sản xuất kinh doanh khác	1000 đ	7.290.000	
II	DOANH SỐ BÁN HÀNG	1000 đ	6.941.000	
1	Doanh thu	1000 đ	6.310.000	
1,1	Xây lắp	1000 đ		
1,2	Ngoài xây lắp	1000 đ	6.310.000	
	- Sản xuất công nghiệp	1000 đ	0	
	- Kinh doanh nhà và hạ tầng	1000 đ	0	
	- Kinh doanh đầu tư tài chính	1000 đ	0	
	- Sản xuất kinh doanh khác	1000 đ	6.310.000	
2	Thuế GTGT đầu ra	1000 đ	631.000	
III	TỔNG CHI PHÍ	1000 đ	6.310.000	
IV	LỢI NHUẬN	1000 đ	0	
1	Lợi nhuận trước thuế TNDN	1000 đ		
1,1	Xây lắp	1000 đ		
1,2	Ngoài xây lắp	1000 đ		
	- Sản xuất công nghiệp	1000 đ		
	- Kinh doanh nhà và hạ tầng	1000 đ		
	- Kinh doanh đầu tư tài chính	1000 đ		
	- Sản xuất kinh doanh khác	1000 đ		
2	Lợi nhuận sau thuế TNDN	1000 đ		
3	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ doanh thu	%		
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ vốn điều lệ	%		
V	NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	1000 đ	631.000	
1	Số thuế phải nộp	1000 đ	631.000	
	- Thuế GTGT	1000 đ	631.000	
	- Thuế TNDN	1000 đ		
	- Thuế tài nguyên	1000 đ		
	- Phí môi trường	1000 đ		
	- Thuế khác	1000 đ		
2	Số thuế đã nộp	1000 đ	-	
	- Thuế GTGT	1000 đ		
	- Thuế TNDN	1000 đ		
	- Thuế tài nguyên	1000 đ		

TT	Chỉ tiêu	ĐV tính	Kế hoạch năm	Ghi chú
1	2	3	4	5
	- Phí môi trường	1000 đ		
	- Thuế khác	1000 đ		
VI	VÒNG QUAY VỐN LƯU ĐỘNG	vòng	3,4	
VII	TÍN DỤNG		518.404	
1	Tín dụng vốn lưu động:		518.404	
	- Hạn mức vay Vốn lưu động	1000 đ	518.404	
	- Hạn mức bảo lãnh	1000 đ		
	- Dư vay Vốn lưu động đến thời điểm báo cáo	1000 đ		
2	Tín dụng vốn đầu tư:			
	- Giải ngân trong kỳ	1000 đ		
	- Số dư vay cuối kỳ	1000 đ		
VIII	LAO ĐỘNG TIỀN LƯƠNG			
1	Tổng số cbcnv bình quân sử dụng	người	61	
2	Tổng quỹ tiền lương và thu nhập khác	1000 đ	2.928.000	
3	Thu nhập bình quân 1 người/1 tháng	1000 đ	4.000	
IX	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH			
1	Nguyên giá tscđ đến cuối kỳ	1000 đ	77.043.207	
2	Khấu hao trong kỳ	1000 đ	3.998.614	
2	Giá trị còn lại tscđ cuối kỳ	1000 đ	12.866.727	
X	ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN			
1	Đầu tư xđcb dự án sản xuất công nghiệp	1000 đ		
2	Nâng cao năng lực thi công	1000 đ		
3	Đầu tư dự án Bất động sản	1000 đ		
XI	ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH		0	
1	Số dư các khoản đầu tư đầu kỳ	1000 đ		
2	Đầu tư trong kỳ	1000 đ		
	- Tăng	1000 đ		
	- Giảm	1000 đ		
3	Số đầu tư đến cuối kỳ	1000 đ		
XII	VỐN CHỦ SỞ HỮU	1000 đ		
-	Vốn điều lệ	1000 đ	150.000.000	
	+ Vốn góp Tập đoàn (TCT)	1000 đ	72.400.000	
	+ Vốn góp của các cổ đông khác	1000 đ	77.600.000	
-	Vốn khác	1000 đ	0	
XIII	CỔ TỨC			
1	Tỷ lệ chi trả cổ tức	%	0	
2	Số tiền chia cổ tức	1000 đ	0	



Lê Tuấn Nguyên

KÊ TOÁN TRƯỞNG

Xallu

Vũ Duy Hải

LẬP BIỂU

Xallu

Vũ Duy Hải